TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2021
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Dần.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Doãn Đức Hùng.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom- tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom- tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 676/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hà X, sinh năm 1990. Trú tại: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Giềng Phát S, sinh năm 1988. Trú tại: Số 22/2, tổ 2, khu 1, ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị X và anh S xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn- chị Phạm Thị Hà X trình bày:

Chị Phạm Thị Hà X và anh Giềng Phát S tự nguyện đăng ký kết hôn, đã được UBND xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/5/2017. Quá trình sống chung với nhau nhưng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào tháng 03/2020, khi chị X phát hiện ra việc anh Giềng Phát S không chung thủy trong mối quan hệ vợ chồng. Vì vậy, từ tháng 03/2020 đến nay, chị X và anh S không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai, tình cảm đối với nhau không còn. Nay mâu thuẫn của chị X và anh S đã trầm trọng nên chị X cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Giềng Phát S.

Về con chung: Chị X và anh S không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chị X đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 11/11/2020, bị đơn- anh Giềng Phát S trình bày:

Chị Phạm Thị Hà X và anh Giềng Phát S tự nguyện đăng ký kết hôn, đã được UBND xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/5/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau, tình cảm đối với nhau không còn. Từ tháng 03 năm 2020 đến nay, anh S và chị X không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị X kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh S cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh S và chị X không có con chung.

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh S trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, kể cả tại phiên tòa.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị X được ly hôn với anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị X, anh S.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa chị X và anh S là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ tháng 03/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị X và anh S đều thừa nhận vợ chồng không còn thương yêu nhau, tình cảm đối với nhau không còn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị X được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị X và anh S khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Hà X được ly hôn với anh Giềng Phát S.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Hà X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005728 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Phạm Thị Hà X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị Phạm Thị Hà X, anh Giềng Phát S biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Niêm yết;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Dần

Mẫu 52-DS